

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNN ngày 28 tháng 4 năm 2026)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC	TCTL	ĐRL	XL HB	Mức HB/tháng	Số tháng	Tổng tiền
I. Ngành Sư phạm CLC												
1	22040071	Trương Thanh Ngân	17/03/2004	22E1SPCLC	Sư phạm tiếng Anh	4	15	94	A	2.300.000	5	11.500.000
2	23040094	Hoàng Đức Tiến	13/09/2005	23E1SP5CLC	Sư phạm tiếng Anh	3,91	17	93	A	2.300.000	5	11.500.000
3	24042313	Trần Thanh Vân	19/09/2006	24E1SP5CLC	Sư phạm tiếng Anh	3,95	19	93	A	2.300.000	5	11.500.000
4	25040137	Vũ Huy Long	18/10/2007	25E1SP5CLC	Sư phạm tiếng Anh	4	25	96	A	2.300.000	5	11.500.000
II. Ngành Sư phạm												
1	25040230	Thân Ngọc Anh	10/09/2007	25.C11.SP4-BRT	Sư phạm Tiếng Trung	3,96	23	90	A	1.800.000	5	9.000.000
2	24040157	Lưu Trí Hải	28/11/2006	24.C11.SP4	Sư phạm Tiếng Trung	3,91	20	96	A	1.800.000	5	9.000.000
3	23040123	Tạ Đức Chí	06/07/2003	23.C8.SP	Sư phạm Tiếng Trung	3,86	17	93	A	1.800.000	5	9.000.000
4	22040015	Lê Vũ Thanh Thảo	25/07/2004	22.C8.SP4	Sư phạm Tiếng Trung	4	9	99	A	1.800.000	5	9.000.000
5	20040157	Nguyễn Thị Hà Lệ	28/09/2001	22.G1.SP	Sư phạm Tiếng Đức.	3,95	18	91	A	1.800.000	5	9.000.000
6	24040190	Trương Đình Tuyền	29/10/2006	24.G1.SP	Sư phạm Tiếng Đức.	3,83	16	91	A	1.800.000	5	9.000.000
7	22040019	Lê Hải Linh	05/12/2004	22.K1.SP	Sư phạm Tiếng Hàn	3,84	21	90	A	1.800.000	5	9.000.000
8	22040247	Phạm Mai Loan	28/01/2004	23.K1.SP	Sư phạm Tiếng Hàn	3,96	24	95	A	1.800.000	5	9.000.000
9	24040222	Nguyễn Thùy Chi	31/12/2006	24.K1.SP	Sư phạm Tiếng Hàn	4	22	90	A	1.800.000	5	9.000.000
10	25040294	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	14/05/2007	25.K1.SP	Sư phạm Tiếng Hàn	3,96	23	91	A	1.800.000	5	9.000.000
11	22040046	Nguyễn Trọng Gia Bảo	08/07/2004	22E3SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,95	18	93	A	1.800.000	5	9.000.000

12	22040156	Hoàng Thảo Linh	15/09/2004	22E3SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,94	15	94	A	1.800.000	5	9.000.000
13	22040053	Lê Thị Minh Châu	04/05/2004	22E4SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	4	15	90	A	1.800.000	5	9.000.000
14	22040008	Phạm Phương Liên	02/02/2004	22E5SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	4	15	90	A	1.800.000	5	9.000.000
15	22040054	Nguyễn Lưu Linh Đan	01/12/2004	22E5SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	4	21	94	A	1.800.000	5	9.000.000
16	22040157	Lê Thị Lan Hương	11/04/2004	22E5SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	4	15	99	A	1.800.000	5	9.000.000
17	23040004	Hoàng Thị Quỳnh Anh	20/11/2005	23E2SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,91	17	93	A	1.800.000	5	9.000.000
18	23040063	Phan Trang Linh	20/12/2005	23E2SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,91	17	91	A	1.800.000	5	9.000.000
19	23040064	Phùng Khánh Linh	02/11/2005	23E3SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,91	20	91	A	1.800.000	5	9.000.000
20	23040074	Đỗ Thị Thu Minh	29/05/2005	23E3SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,91	20	94	A	1.800.000	5	9.000.000
21	23040100	Nguyễn Thị Phương Thảo	13/02/2005	23E3SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,91	17	91	A	1.800.000	5	9.000.000
22	24040054	Dương Hoàng Hiệp	29/04/2006	24E19SP4	Sư phạm Tiếng Anh.	4	19	99	A	1.800.000	5	9.000.000
23	24040016	Trần Linh Anh	03/06/2006	24E2SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	4	19	96	A	1.800.000	5	9.000.000
24	24040004	Ngô Ngọc Anh	10/02/2006	24E3SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	4	16	94	A	1.800.000	5	9.000.000
25	24040033	Lê Thị Ngọc Diệp	18/09/2006	24E5SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	4	16	95	A	1.800.000	5	9.000.000
26	24040037	Nguyễn Tiến Dũng	01/07/2006	24E5SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	4	19	93	A	1.800.000	5	9.000.000
27	24040062	Vũ Lan Hương	11/09/2006	24E5SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	4	19	91	A	1.800.000	5	9.000.000
28	24040110	Nguyễn Trần Thảo Nguyên	03/10/2006	24E5SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	4	18	91	A	1.800.000	5	9.000.000
29	24040129	Trần Thị Diệu Thảo	10/07/2006	24E5SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	4	19	96	A	1.800.000	5	9.000.000
30	25040081	Hoàng Diệu Hoa	07/04/2007	25E2SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,8	12	93	A	1.800.000	5	9.000.000
31	25040209	Nguyễn Phương Trang	07/11/2007	25E3SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,82	15	93	A	1.800.000	5	9.000.000
32	25040061	Bế Vũ Ngọc Hà	30/03/2007	25E5SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,88	15	96	A	1.800.000	5	9.000.000
33	25040067	Nguyễn Nguyên Hà	28/01/2007	25E5SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,84	15	94	A	1.800.000	5	9.000.000
34	25040150	Phan Thị Trà My	25/09/2007	25E5SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,84	15	96	A	1.800.000	5	9.000.000
35	25040220	Đào Thị Mỹ Vân	03/08/2007	25E5SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,94	15	91	A	1.800.000	5	9.000.000

36	25040130	Nguyễn Thùy Linh	08/12/2007	25E6SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,82	18	91	A	1.800.000	5	9.000.000
37	25040135	Bùi Minh Long	18/10/2007	25E6SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,87	20	91	A	1.800.000	5	9.000.000
38	25040221	Ngô Thảo Vân	18/03/2007	25E6SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,85	12	93	A	1.800.000	5	9.000.000
39	25040152	Cao Lê Na	21/11/2007	25E7SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,82	15	93	A	1.800.000	5	9.000.000
40	25040188	Đoàn Thị Phương Thảo	18/08/2007	25E7SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,88	12	91	A	1.800.000	5	9.000.000
41	25040133	Trịnh Khánh Linh	08/04/2007	25E3SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,78	12	96	A	1.800.000	5	9.000.000
42	25040084	Nguyễn Bùi Việt Hưng	02/11/2007	25E2SP5	Sư phạm Tiếng Anh.	3,78	15	92	A	1.800.000	5	9.000.000
43	22040230	Đặng Hải Dương	31/05/2004	22J1SP	Sư phạm Tiếng Nhật	3,91	17	93	A	1.800.000	5	9.000.000
44	23040160	Phạm Thanh Tâm	30/01/2005	23J1SP	Sư phạm Tiếng Nhật	3,88	20	93	A	1.800.000	5	9.000.000
45	24040212	Nguyễn Minh Phương	10/11/2006	24J10SP3D6	Sư phạm Tiếng Nhật	3,89	22	96	A	1.800.000	5	9.000.000
46	25040259	Phan Phương Linh	16/04/2007	25J1SP	Sư phạm Tiếng Nhật	3,95	17	96	A	1.800.000	5	9.000.000

**III. Ngành Ngôn ngữ Nga, Ả rập khóa QH.2022.F1, QH.2023.F1;
ngành Văn hóa truyền thông xuyên quốc gia; ngành Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam
(Học phí 1.690.000đ/tháng)**

1	23040807	Đinh Ngọc Lan	30/12/2005	23.R2.BPD	Ngôn ngữ Nga	3,95	17	96	A	1.900.000	5	9.500.000
2	23040778	Vũ Minh An	25/06/2004	23.R2.BPD	Ngôn ngữ Nga	3,66	17	91	A	1.900.000	5	9.500.000
3	22040794	Trần Nguyên Công	18/10/2003	22.R1.BPD	Ngôn ngữ Nga	3,9	15	91	A	1.900.000	5	9.500.000
4	21041083	Phan Phương Anh	19/11/2003	22.R2.DL	Ngôn ngữ Nga	3,84	15	91	A	1.900.000	5	9.500.000
5	22040783	Tạ Thị Ngọc Mai	26/11/2004	22.R1.BPD	Ngôn ngữ Nga	3,81	31	96	A	1.900.000	5	9.500.000
6	21041711	Đinh Phương Linh	13/09/2003	22.A1.NN	Ngôn ngữ Ả Rập	3,92	18	93	A	1.900.000	5	9.500.000
7	22041748	Mai Thị Mai	01/06/2004	23.A1.NN	Ngôn ngữ Ả Rập	3,94	15	92	A	1.900.000	5	9.500.000
8	23041924	Lê Thanh Tú	29/09/2005	23VH1NN4	Văn hóa TTXQG	4	17	90	A	1.900.000	5	9.500.000
9	23041919	Trần Thị Nhân	14/06/2005	23VH2NN4	Văn hóa TTXQG	4	17	94	A	1.900.000	5	9.500.000
10	23041874	Bùi Trâm Anh	18/06/2005	23VH2NN4	Văn hóa TTXQG	3,96	17	96	A	1.900.000	5	9.500.000

11	24042227	Nguyễn Hoàng Anh	24/11/2006	24VH1NN	Văn hóa TTXQG	3,73	16	93	A	1.900.000	5	9.500.000
12	24042265	Bùi Minh Ngọc	29/09/2005	24VH1NN	Văn hóa TTXQG	3,72	19	96	A	1.900.000	5	9.500.000
13	24042228	Nguyễn Ngọc Anh	16/06/2006	24VH1NN	Văn hóa TTXQG	3,71	19	90	A	1.900.000	5	9.500.000
14	25042718	Nguyễn Thị Ngọc Bích	31/01/2007	25VH1NN	Văn hóa TTXQG	3,78	15	90	A	1.900.000	5	9.500.000
15	25042731	Nguyễn Minh Huệ	05/08/2006	25VH1NN	Văn hóa TTXQG	3,73	18	91	A	1.900.000	5	9.500.000
16	25042722	Dương Thị Hải Chiêu	11/12/2007	25VH1NN	Văn hóa TTXQG	3,65	18	95	A	1.900.000	5	9.500.000
17	25042735	Lê Ngọc Khánh	18/01/2007	25VH1NN	Văn hóa TTXQG	3,62	18	95	A	1.900.000	5	9.500.000
18	25040306	Trương Thị Hồng Ánh	07/06/2006	25.VN2-C	TV và VH Việt Nam	3,92	20	96	A	1.900.000	5	9.500.000
19	25040342	Cao Thị Ánh Nguyệt	30/11/2007	25.VN2-C	TV và VH Việt Nam	3,93	12	93	A	1.900.000	5	9.500.000
20	25040352	Vũ Anh Tuấn	27/02/2007	25.VN2-J	TV và VH Việt Nam	4	12	91	A	1.900.000	5	9.500.000
21	25040319	Lê Thị Ngọc Huyền	04/12/2007	25.VN2-C	TV và VH Việt Nam	3,85	12	86	B	1.800.000	5	9.000.000
22	25040350	Hà Quỳnh Trang	10/08/2007	25.VN2-C	TV và VH Việt Nam	3,8	12	84	B	1.800.000	5	9.000.000

IV. Ngành Ngôn ngữ Nga. Ả Rập khóa QH.2024.F1, QH.2025.F1 (Học phí 2.100.000đ/tháng)

1	25041287	Nguyễn Diệu Linh	03/07/2007	25.R3.NN	Ngôn ngữ Nga	3,79	14	91	A	2.300.000	5	11.500.000
2	25041264	Phan Lê Kim Chi	24/05/2007	25.R2.NN	Ngôn ngữ Nga	3,77	20	91	A	2.300.000	5	11.500.000
3	25041302	Trịnh Thị Kiều Oanh	16/03/2007	25.R1.NN	Ngôn ngữ Nga	3,83	14	89	B	2.200.000	5	11.000.000
4	25041271	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	21/09/2007	25.R2.NN	Ngôn ngữ Nga	3,76	14	81	B	2.200.000	5	11.000.000
5	25041252	Nguyễn Thị Kiều Anh	19/08/2007	25.R2.NN	Ngôn ngữ Nga	3,59	14	80	B	2.200.000	5	11.000.000
6	24041014	Phạm Thị Phương Quý	31/01/2006	24.R2.NN	Ngôn ngữ Nga	3,85	16	96	A	2.300.000	5	11.500.000
7	24040969	Phạm Thị Hà Anh	17/02/2006	24.R1.NN	Ngôn ngữ Nga	3,84	19	91	A	2.300.000	5	11.500.000
8	24041023	Lương Thảo Trang	01/02/2005	24.R1.NN	Ngôn ngữ Nga	3,74	19	96	A	2.300.000	5	11.500.000
9	23041872	Bùi Phương Uyên	22/09/2005	24.A1.NN	Ngôn ngữ Ả rập	3,81	16	96	A	2.300.000	5	11.500.000
10	24042202	Nguyễn Chí Bách	06/02/2006	24.A1.NN	Ngôn ngữ Ả rập	3,64	18	93	A	2.300.000	5	11.500.000

11	25042668	Nguyễn Thị Hiền	15/10/2007	25.A2.NN	Ngôn ngữ Ả rập	4	14	91	A	2.300.000	5	11.500.000
12	25042697	Cao Đức Phát	09/12/2007	25.A2.NN	Ngôn ngữ Ả rập	4	14	96	A	2.300.000	5	11.500.000
13	25042675	Nguyễn Thuý Hương	24/01/2007	25.A2.NN	Ngôn ngữ Ả rập	3,89	14	90	A	2.300.000	5	11.500.000
14	25042655	Phạm Hiền Anh	28/10/2007	25.A1.NN	Ngôn ngữ Ả rập	3,89	14	96	A	2.300.000	5	11.500.000

V. Ngành Ngôn ngữ Anh, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Hàn khóa QH.2022.F1, QH.2023.F1 (Học phí 3.500.000đ/tháng)

1	23040925	Bùi Vân Ngọc	08/12/2005	23.F3.DL	Ngôn ngữ Pháp	4	17	92	A	4.000.000	5	20.000.000
2	23040885	Nguyễn Thị Huệ	05/02/2005	23.F3.DL	Ngôn ngữ Pháp	3,96	20	90	A	4.000.000	5	20.000.000
3	23040849	Dương Thị Ngọc Anh	17/12/2005	23.F3.DL	Ngôn ngữ Pháp	3,88	20	91	A	4.000.000	5	20.000.000
4	23040916	Nguyễn Thị Xuân Mai	08/01/2005	23.F1.BPD	Ngôn ngữ Pháp	3,84	23	90	A	4.000.000	5	20.000.000
5	23040852	Mai Phương Anh	10/01/2005	23.F3.DL	Ngôn ngữ Pháp	3,84	17	94	A	4.000.000	5	20.000.000
6	23040955	Nguyễn Thảo Vân	19/04/2004	23.F4.KT	Ngôn ngữ Pháp	3,84	17	94	A	4.000.000	5	20.000.000
7	22040871	Nguyễn Như Quỳnh	01/03/2004	22.F3.TT	Ngôn ngữ Pháp	4	9	93	A	4.000.000	5	20.000.000
8	22040870	Vũ Xuân Thắng	02/11/2004	22.F2.TT	Ngôn ngữ Pháp	3,93	12	95	A	4.000.000	5	20.000.000
9	22040835	Nguyễn Anh Thơ	26/10/2004	22.F3.TT	Ngôn ngữ Pháp	3,93	12	90	A	4.000.000	5	20.000.000
10	22040904	Phạm Lê Phương Chi	14/01/2004	22.F1.F5.KT	Ngôn ngữ Pháp	3,91	21	91	A	4.000.000	5	20.000.000
11	22040937	Nguyễn Hồng Anh	14/10/2004	22.F4.DL	Ngôn ngữ Pháp	3,88	20	95	A	4.000.000	5	20.000.000
12	22040861	Đỗ Thị Phương Thảo	28/08/2004	22.F3.TT	Ngôn ngữ Pháp	3,88	15	91	A	4.000.000	5	20.000.000
13	21041158	Nguyễn Thị Thảo Chi	24/11/2003	21.F4	Ngôn ngữ Pháp	4	12	91	A	4.000.000	5	20.000.000
14	23041044	Nguyễn Thu Huyền	25/08/2005	23.C2.BPD	Ngôn ngữ Trung	3,96	17	93	A	4.000.000	5	20.000.000
15	23041101	Lê Minh	07/09/2005	23.C2.BPD	Ngôn ngữ Trung	3,9	20	95	A	4.000.000	5	20.000.000
16	23040964	Bùi Thị Vân Anh	16/08/2005	23.C2.BPD	Ngôn ngữ Trung	3,89	17	93	A	4.000.000	5	20.000.000
17	23041115	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	03/01/2005	23.C2.BPD	Ngôn ngữ Trung	3,87	19	98	A	4.000.000	5	20.000.000
18	23041053	Đinh Thu Khuyên	03/06/2005	23.C1.BPD	Ngôn ngữ Trung	3,86	17	96	A	4.000.000	5	20.000.000
19	23040996	Lữ Ngọc Diệp	25/11/2005	23.C5 KT	Ngôn ngữ Trung	3,84	20	93	A	4.000.000	5	20.000.000

20	23041122	Nguyễn Thu Nhân	14/09/2005	23.C2.BPD	Ngôn ngữ Trung	3,83	20	91	A	4.000.000	5	20.000.000
21	23041173	Nguyễn Thanh Thư	23/01/2005	23.C2.BPD	Ngôn ngữ Trung	3,82	20	96	A	4.000.000	5	20.000.000
22	23041006	Phạm Thanh Duyên	29/06/2005	23.C4.BPD4	Ngôn ngữ Trung	3,82	22	93	A	4.000.000	5	20.000.000
23	23041097	Lê Duy Mạnh	13/10/2005	23.C4.BPD4	Ngôn ngữ Trung	3,81	16	99	A	4.000.000	5	20.000.000
24	23041001	Đậu Thị Cẩm Dung	05/09/2005	23.C7.KT	Ngôn ngữ Trung	3,81	17	94	A	4.000.000	5	20.000.000
25	23041048	Trần Thu Hương	07/08/2005	23.C5.KT	Ngôn ngữ Trung	3,78	22	95	A	4.000.000	5	20.000.000
26	23041205	Lương Thị Yên	31/08/2005	23.C3.BPD	Ngôn ngữ Trung	3,76	20	93	A	4.000.000	5	20.000.000
27	23041065	Bùi Thị Khánh Linh	09/04/2005	23.C6.KT	Ngôn ngữ Trung	3,75	17	93	A	4.000.000	5	20.000.000
28	23041151	Hồ Thị Ngọc Tú	01/09/2005	23.C2.BPD	Ngôn ngữ Trung	3,74	19	96	A	4.000.000	5	20.000.000
29	22041140	Lê Thị Minh Hằng	31/07/2004	22.C3.BPD	Ngôn ngữ Trung	3,94	15	96	A	4.000.000	5	20.000.000
30	22040948	Phùng Minh Anh	25/08/2004	22.C5.BPD4	Ngôn ngữ Trung	3,93	12	96	A	4.000.000	5	20.000.000
31	22040030	Nguyễn Thị Thu Uyên	15/02/2004	22.C5.BPD4	Ngôn ngữ Trung	3,93	12	94	A	4.000.000	5	20.000.000
32	22041095	Vũ Thị Kim Ngân	16/08/2004	22.C7.KT	Ngôn ngữ Trung	3,89	21	95	A	4.000.000	5	20.000.000
33	22041103	Đặng Thị Thanh Nhân	12/04/2004	22.C6.KT	Ngôn ngữ Trung	3,88	12	96	A	4.000.000	5	20.000.000
34	21041283	Lê Xuân Thái	13/01/2003	22.C7.KT	Ngôn ngữ Trung	3,88	12	95	A	4.000.000	5	20.000.000
35	21040023	Nguyễn Thị Phương Thảo	06/11/2003	22.C6.KT	Ngôn ngữ Trung	3,88	15	92	A	4.000.000	5	20.000.000
36	22041152	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	29/01/2004	22.C3.BPD	Ngôn ngữ Trung	3,88	15	91	A	4.000.000	5	20.000.000
37	22040961	Chu Minh Anh	18/09/2004	22.C6.KT	Ngôn ngữ Trung	3,88	15	91	A	4.000.000	5	20.000.000
38	22041052	Mai Thị Kiều Anh	23/09/2003	22.C5.BPD4	Ngôn ngữ Trung	3,87	18	98	A	4.000.000	5	20.000.000
39	22040963	Nguyễn Minh Hằng	14/11/2004	22.C7.KT	Ngôn ngữ Trung	3,87	21	95	A	4.000.000	5	20.000.000
40	22041045	Nguyễn Thục Như	09/08/2004	22.C1.BPD	Ngôn ngữ Trung	3,87	18	91	A	4.000.000	5	20.000.000
41	22040938	Đỗ Mai Thy	13/11/2004	22.C6.KT	Ngôn ngữ Trung	3,85	12	93	A	4.000.000	5	20.000.000
42	22040940	Chu Khánh Huyền	19/12/2004	22.C6.KT	Ngôn ngữ Trung	3,85	12	92	A	4.000.000	5	20.000.000
43	22041235	Nguyễn Thị Nga	30/10/2003	22.G4.KT	Ngôn ngữ Đức	3,88	15	94	A	4.000.000	5	20.000.000

44	22041210	Phạm Ngọc Minh Châu	20/07/2004	22.G4.KT	Ngôn ngữ Đức	3,71	20	92	A	4.000.000	5	20.000.000
45	22041227	Vũ Diệu Hoa	17/02/2004	22.G4.KT	Ngôn ngữ Đức	3,62	18	92	A	4.000.000	5	20.000.000
46	22041226	Bùi Phương Thảo	07/02/2004	22.G3.PD2	Ngôn ngữ Đức	3,61	21	91	A	4.000.000	5	20.000.000
47	22041261	Nguyễn Thị Ngọc Lan	29/02/2004	22.G4.KT	Ngôn ngữ Đức	3,75	12	100	A	4.000.000	5	20.000.000
48	22041176	Nguyễn Ngọc Tú Nhi	12/11/2004	23.G2.PD	Ngôn ngữ Đức	3,95	19	96	A	4.000.000	5	20.000.000
49	21040608	Đỗ Nguyễn Kiều Vân	06/04/2003	23.G4.DL	Ngôn ngữ Đức	3,87	18	99	A	4.000.000	5	20.000.000
50	23041281	Nguyễn Lê Na	04/06/2005	23.G3.KT	Ngôn ngữ Đức	3,78	26	96	A	4.000.000	5	20.000.000
51	23041246	Nguyễn Thị Vĩnh Hải	03/01/2005	23.G4.DL	Ngôn ngữ Đức	3,74	17	96	A	4.000.000	5	20.000.000
52	23041296	Quyền Hoàng Phong	23/03/2005	23.G3.KT	Ngôn ngữ Đức	3,63	26	96	A	4.000.000	5	20.000.000
53	23041243	Lê Bảo Khánh Hà	15/07/2005	23.G4.DL	Ngôn ngữ Đức	3,6	22	96	A	4.000.000	5	20.000.000
54	21040177	Nguyễn Thị Thanh Mai	19/11/2003	22.K3.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	4	21	96	A	4.000.000	5	20.000.000
55	22041602	Trần Lê Hà Linh	08/02/2004	22.K6.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	4	18	93	A	4.000.000	5	20.000.000
56	21040160	Vũ Hà Linh	18/12/2003	2022.K3.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	4	18	90	A	4.000.000	5	20.000.000
57	21040212	Đào Minh Yến	01/04/2003	22.K7.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,97	27	97	A	4.000.000	5	20.000.000
58	21040024	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/10/2003	22.K5.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,96	24	93	A	4.000.000	5	20.000.000
59	21040133	Vũ Hương Thảo	05/06/2003	22.K7.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,96	21	91	A	4.000.000	5	20.000.000
60	22041540	Phạm Thu Hoài	08/10/2004	2022.K3.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,95	18	91	A	4.000.000	5	20.000.000
61	21041587	Phạm Thu Hải	10/11/2003	22.K5.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,97	29	90	A	4.000.000	5	20.000.000
62	22041694	Phạm Thị Hồng Hoa	27/12/2004	22.K8.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,91	21	92	A	4.000.000	5	20.000.000
63	21040327	Lương Thị Minh Hằng	27/12/2003	2022.K3.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,91	21	91	A	4.000.000	5	20.000.000
64	22041656	Vũ Ngọc Bảo	19/04/2004	22.K7.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,9	24	97	A	4.000.000	5	20.000.000
65	22041752	Cao Văn Tiến	11/08/1992	22.K8.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,9	18	91	A	4.000.000	5	20.000.000
66	22041649	Hồ Thị Thu Thủy	10/02/2004	22.K5.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,9	24	90	A	4.000.000	5	20.000.000
67	22041582	Hoàng Ngọc Hoa	30/06/2004	22.K4.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,89	21	95	A	4.000.000	5	20.000.000

68	22041497	Tạ Châu Anh	22/10/2004	22.K5.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,89	21	90	A	4.000.000	5	20.000.000
69	23041665	Lê Thị Huyền	13/10/2005	23.K4.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	4	14	91	A	4.000.000	5	20.000.000
70	23041585	Nguyễn Vĩnh An	27/12/2005	23.K2.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,96	14	94	A	4.000.000	5	20.000.000
71	23041689	Lê Phương Thúy Linh	22/03/2005	23.K2.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,95	17	96	A	4.000.000	5	20.000.000
72	22041625	Đỗ Thành Đạt	16/08/2004	23.K7.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,94	19	96	A	4.000.000	5	20.000.000
73	23041820	Vũ Huyền Trân	29/10/2005	23.K4.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,94	14	91	A	4.000.000	5	20.000.000
74	23041711	Đoàn Thanh Mai	28/07/2005	23.K8.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,94	14	91	A	4.000.000	5	20.000.000
75	23041774	Lê Nguyễn Cẩm Tú	08/12/2005	23.K2.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,93	14	93	A	4.000.000	5	20.000.000
76	23041763	Đỗ Thị Hồng Quyên	30/03/2005	23.K7.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,93	14	93	A	4.000.000	5	20.000.000
77	23041797	Đỗ Thị Minh Thư	13/07/2005	23.K8.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,91	17	94	A	4.000.000	5	20.000.000
78	22041523	Nguyễn Phương Nhi	30/12/2004	23.K7.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,91	20	93	A	4.000.000	5	20.000.000
79	23041740	Nguyễn Thị Hương Nhài	07/12/2005	23.K7.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,91	17	90	A	4.000.000	5	20.000.000
80	23041620	Nguyễn Ngọc Diệp	25/02/2005	23.K3.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,89	14	96	A	4.000.000	5	20.000.000
81	23041741	Trần Thị Nhài	25/11/2005	23.K8.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,89	14	96	A	4.000.000	5	20.000.000
82	23041818	Trần Việt Trang	07/02/2005	23.K9.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,89	17	90	A	4.000.000	5	20.000.000
83	23041588	Chu Phương Anh	26/02/2005	23.K3.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,89	17	90	A	4.000.000	5	20.000.000
84	23041618	Vũ Hà Chi	03/09/2005	23.K8.BPD	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,88	17	96	A	4.000.000	5	20.000.000
85	22040333	Đỗ Linh Nhi	05/08/2004	22E7BPD5	Ngôn ngữ Anh	4	15	91	A	4.000.000	5	20.000.000
86	22040704	Kha Hà Mai Thy	04/08/2004	22E19QTcH4	Ngôn ngữ Anh	4	15	96	A	4.000.000	5	20.000.000
87	22040308	Tạ Duy Phong	12/04/2004	22E18NN-VH5	Ngôn ngữ Anh	4	15	90	A	4.000.000	5	20.000.000
88	22040277	Nguyễn Thanh Mai	28/03/2004	22E15KD-TM5	Ngôn ngữ Anh	4	15	91	A	4.000.000	5	20.000.000
89	22040400	Nguyễn Hồng Vân	09/04/2004	22E15KD-TM5	Ngôn ngữ Anh	4	15	91	A	4.000.000	5	20.000.000
90	22040587	Vũ Thị Ngọc Hân	10/07/2004	22E15KD-TM4	Ngôn ngữ Anh	4	12	94	A	4.000.000	5	20.000.000
91	22040604	Nguyễn Ngọc Khanh	07/08/2004	22E15KD-TM4	Ngôn ngữ Anh	4	12	94	A	4.000.000	5	20.000.000

92	22040586	Lê Ngọc Ánh	28/01/2004	22E15KD-TM4	Ngôn ngữ Anh	4	15	93	A	4.000.000	5	20.000.000
93	22040506	Trần Tố Uyên	05/04/2004	22E15KD-TM4	Ngôn ngữ Anh	4	12	91	A	4.000.000	5	20.000.000
94	22040664	Nguyễn Kim Oanh	03/03/2004	22E10BPD5	Ngôn ngữ Anh	4	15	91	A	4.000.000	5	20.000.000
95	21040776	Vũ Thành An	21/06/2003	22E10BPD	Ngôn ngữ Anh	4	15	90	A	4.000.000	5	20.000.000
96	22040712	Nguyễn Thị Tố Uyên	24/01/2004	22 E15KD-TM3	Ngôn ngữ Anh	4	12	91	A	4.000.000	5	20.000.000
97	22040404	Ngô Thị Ngọc Trâm	21/09/2004	22 E14KD-TM4	Ngôn ngữ Anh	4	12	100	A	4.000.000	5	20.000.000
98	22040313	Dương Khánh Chi	22/09/2004	22 E14KD-TM4	Ngôn ngữ Anh	4	12	93	A	4.000.000	5	20.000.000
99	22040641	Nguyễn Việt Hà	01/07/2004	22 E14KD-TM4	Ngôn ngữ Anh	4	12	93	A	4.000.000	5	20.000.000
100	22040637	Lưu Thanh Huyền	20/04/2004	22 E14KD-TM3	Ngôn ngữ Anh	4	12	94	A	4.000.000	5	20.000.000
101	22040370	Trần Lan Anh	19/09/2004	22 E14KD-TM3	Ngôn ngữ Anh	4	12	91	A	4.000.000	5	20.000.000
102	22040588	Lê Như Ngọc	08/02/2004	22 E14KD-TM3	Ngôn ngữ Anh	4	12	91	A	4.000.000	5	20.000.000
103	22040623	Phạm Linh Chi	05/04/2004	22E7BPD5	Ngôn ngữ Anh	3,96	21	99	A	4.000.000	5	20.000.000
104	22040601	Trần Bảo Thi	25/01/2004	22E15KD-TM4	Ngôn ngữ Anh	3,95	18	91	A	4.000.000	5	20.000.000
105	22040544	Dương Thị Huế	22/05/2004	22E12BPD5	Ngôn ngữ Anh	3,95	18	93	A	4.000.000	5	20.000.000
106	22040527	Vũ Cẩm Tú	04/09/2003	22 E17NN-VH4	Ngôn ngữ Anh	3,95	18	99	A	4.000.000	5	20.000.000
107	22040436	Nguyễn Duy Anh	24/07/2004	22E18NN-VH5	Ngôn ngữ Anh	3,94	15	100	A	4.000.000	5	20.000.000
108	22040722	Đoàn Mạnh Dũng	11/08/2004	22 E17NN-VH4	Ngôn ngữ Anh	3,94	15	99	A	4.000.000	5	20.000.000
109	22040617	Đình Vân Anh	25/01/2004	22E6BPD5	Ngôn ngữ Anh	3,94	15	96	A	4.000.000	5	20.000.000
110	22040711	Nguyễn Thị Hồng	22/01/2004	22 E17NN-VH4	Ngôn ngữ Anh	3,94	15	96	A	4.000.000	5	20.000.000
111	22040715	Đào Thị Thảo Hiền	26/02/2004	22E11BPD5	Ngôn ngữ Anh	3,94	15	95	A	4.000.000	5	20.000.000
112	22040338	Đặng Kim Ngân	29/08/2004	22E7BPD5	Ngôn ngữ Anh	3,94	15	94	A	4.000.000	5	20.000.000
113	22040391	Nguyễn Thảo Linh	17/02/2004	22E19QTcH4	Ngôn ngữ Anh	3,94	15	94	A	4.000.000	5	20.000.000
114	22040517	Phan Đào Khánh Linh	06/08/2004	22 E14KD-TM3	Ngôn ngữ Anh	3,94	15	94	A	4.000.000	5	20.000.000
115	23040757	Trần Đức Vũ	15/06/2005	23E24NNVH4	Ngôn ngữ Anh	4	14	99	A	4.000.000	5	20.000.000

116	23040350	Phạm Quang Hà	15/10/2005	23E19NNVH4	Ngôn ngữ Anh	4	14	91	A	4.000.000	5	20.000.000
117	23040479	Vũ Diệu Linh	07/10/2005	23E23NNVH5	Ngôn ngữ Anh	3,96	14	99	A	4.000.000	5	20.000.000
118	23040358	Nguyễn Minh Hạnh	15/05/2005	23E18NNVH3	Ngôn ngữ Anh	3,95	17	98	A	4.000.000	5	20.000.000
119	23040568	Trần Xuân Nam	17/03/2005	23E23NNVH5	Ngôn ngữ Anh	3,95	17	93	A	4.000.000	5	20.000.000
120	23040621	Cáp Quang Sơn	25/06/2005	23E23NNVH5	Ngôn ngữ Anh	3,95	17	90	A	4.000.000	5	20.000.000
121	23040597	Đào Thị Thu Phương	28/09/2005	23E12KDTM4	Ngôn ngữ Anh	3,94	15	96	A	4.000.000	5	20.000.000
122	23040220	Lương Thị Hoàng Anh	07/09/2005	23E14QTeH4	Ngôn ngữ Anh	3,94	14	96	A	4.000.000	5	20.000.000
123	23040666	Trịnh Phương Thảo	08/02/2005	23E24NNVH4	Ngôn ngữ Anh	3,94	14	96	A	4.000.000	5	20.000.000
124	23040688	Bùi Thanh Thùy	06/05/2005	23E23NNVH5	Ngôn ngữ Anh	3,94	14	94	A	4.000.000	5	20.000.000
125	23040600	Hoàng Thị Minh Phương	21/04/2005	23E9BPD3	Ngôn ngữ Anh	3,94	17	93	A	4.000.000	5	20.000.000
126	23040536	Hoàng Ánh Ngọc	17/09/2005	23E23NNVH5	Ngôn ngữ Anh	3,94	14	91	A	4.000.000	5	20.000.000
127	23040697	Đặng Anh Thư	31/10/2005	23E24NNVH4	Ngôn ngữ Anh	3,94	14	91	A	4.000.000	5	20.000.000
128	23040242	Nguyễn Vũ Quỳnh Anh	21/11/2005	23E13KDTM4	Ngôn ngữ Anh	3,93	26	95	A	4.000.000	5	20.000.000
129	23040357	Đào Hồng Hạnh	25/04/2005	23E8BPD4	Ngôn ngữ Anh	3,93	20	91	A	4.000.000	5	20.000.000
130	23040415	Đỗ Lan Hương	28/10/2005	23E7BPD4	Ngôn ngữ Anh	3,92	20	96	A	4.000.000	5	20.000.000
131	23040617	Hoàng Như Quỳnh	38544	23E23NNVH3	Ngôn ngữ Anh	3,92	19	93	A	4.000.000	5	20.000.000
132	23040669	Ngô Thị Thắm	08/03/2005	23E11KDTM3	Ngôn ngữ Anh	3,92	20	90	A	4.000.000	5	20.000.000
133	23040380	Nguyễn Mai Hoa	02/12/2005	23E21NNVH5	Ngôn ngữ Anh	3,91	17	96	A	4.000.000	5	20.000.000
134	23040762	Nguyễn Thị Yến Vy	04/09/2005	23E17NNVH3	Ngôn ngữ Anh	3,91	17	93	A	4.000.000	5	20.000.000
135	23040599	Đặng Vũ Mai Phương	03/12/2005	23E17NNVH3	Ngôn ngữ Anh	3,89	17	96	A	4.000.000	5	20.000.000
136	23040387	Lê Văn Hoàn	29/09/2005	23E6BPD5	Ngôn ngữ Anh	3,89	17	94	A	4.000.000	5	20.000.000
137	23040553	Đào Minh Nguyệt	13/09/2005	23E13KDTM4	Ngôn ngữ Anh	3,89	26	93	A	4.000.000	5	20.000.000
138	23040529	Nguyễn Quỳnh Ngân	07/01/2005	23E24NNVH4	Ngôn ngữ Anh	3,89	17	93	A	4.000.000	5	20.000.000
139	23040605	Nguyễn Thị Mai Phương	01/08/2005	23E23NNVH5	Ngôn ngữ Anh	3,89	14	91	A	4.000.000	5	20.000.000

140	23040418	Tô Mai Hương	06/10/2005	23E8BPD4	Ngôn ngữ Anh	3,88	20	93	A	4.000.000	5	20.000.000
141	23040706	Vũ Thị Bích Trà	29/01/2005	23E7BPD4	Ngôn ngữ Anh	3,87	20	93	A	4.000.000	5	20.000.000
142	23040681	Nguyễn Thị Thanh Thu	28/11/2005	23E19NNVH4	Ngôn ngữ Anh	3,87	14	91	A	4.000.000	5	20.000.000
143	23040480	Phạm Thị Loan	19/11/2005	23E24NNVH4	Ngôn ngữ Anh	3,86	17	96	A	4.000.000	5	20.000.000
144	23040771	Tường Lê Như Ý	12/11/2005	23E21NNVH3	Ngôn ngữ Anh	3,86	17	93	A	4.000.000	5	20.000.000
145	23040427	Lương Hoàng Vân Khánh	02/05/2005	23E16NNVH5	Ngôn ngữ Anh	3,86	17	93	A	4.000.000	5	20.000.000
146	23040262	Trịnh Thị Ngọc Ánh	27/09/2005	23E22NNVH3	Ngôn ngữ Anh	3,86	14	91	A	4.000.000	5	20.000.000
147	23040677	Hoàng Thị Quỳnh Thơ	11/04/2005	23E6BPD4	Ngôn ngữ Anh	3,86	17	90	A	4.000.000	5	20.000.000
148	23040578	Hoàng Hồng Nhung	29/06/2005	23E24NNVH4	Ngôn ngữ Anh	3,85	20	93	A	4.000.000	5	20.000.000
149	23040201	Trần Ngọc An	15/05/2005	23E21NNVH5	Ngôn ngữ Anh	3,84	17	99	A	4.000.000	5	20.000.000
150	23040476	Trần Thị Duy Linh	26/06/2005	23E5BPD5	Ngôn ngữ Anh	3,84	23	93	A	4.000.000	5	20.000.000
151	23040635	Hà Phương Tú	23/11/2005	23E6BPD5	Ngôn ngữ Anh	3,84	23	91	A	4.000.000	5	20.000.000
152	23040414	Đặng Thị Thu Hương	15/03/2005	23E10BPD3	Ngôn ngữ Anh	3,84	17	91	A	4.000.000	5	20.000.000
153	22041462	Trần Thế Kiên	11/09/2004	22J8QT-KD	Ngôn ngữ Nhật	3,95	18	96	A	4.000.000	5	20.000.000
154	21040123	Nguyễn Ngọc Minh	17/07/2003	22J6BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,93	26	96	A	4.000.000	5	20.000.000
155	21040535	Nguyễn Anh Tuấn	08/09/2003	22J7BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,93	25	91	A	4.000.000	5	20.000.000
156	21040524	Nguyễn Anh Tuấn	12/08/2003	22J7BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,92	20	91	A	4.000.000	5	20.000.000
157	21041555	Đỗ Thị Mai Uyên	04/08/2003	22J3BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,91	76	91	A	4.000.000	5	20.000.000
158	21041488	Lê Thu Trang	03/12/2003	22J4BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,89	34	90	A	4.000.000	5	20.000.000
159	22041286	Nguyễn Thị Yên Ngọc	01/06/2004	22J4BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,88	12	96	A	4.000.000	5	20.000.000
160	22041302	Nguyễn Thị Thảo Hiền	16/12/2004	22J3BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,88	12	96	A	4.000.000	5	20.000.000
161	22041456	Mai Lan Ngọc	01/02/2004	22J8QT-KD	Ngôn ngữ Nhật	3,88	15	93	A	4.000.000	5	20.000.000
162	22041469	Phạm Anh Thư	17/03/2004	22J8QT-KD	Ngôn ngữ Nhật	3,88	15	92	A	4.000.000	5	20.000.000
163	22041422	Nguyễn Thị Ánh Dương	14/07/2004	22J7BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,88	15	91	A	4.000.000	5	20.000.000

164	21041502	Trần Thị Kim Cúc	11/12/2003	22J5BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,88	26	90	A	4.000.000	5	20.000.000
165	22041380	Bạch Thu Thảo	17/04/2004	22J8QT-KD	Ngôn ngữ Nhật	3,88	15	90	A	4.000.000	5	20.000.000
166	23041577	Đỗ Triệu Vi	05/07/2005	23J7BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,93	23	91	A	4.000.000	5	20.000.000
167	23041571	Đinh Như Trường	07/09/2005	23J7BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,91	20	91	A	4.000.000	5	20.000.000
168	23041353	Nguyễn Thị Diệp Anh	06/10/2005	23J2BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,9	20	96	A	4.000.000	5	20.000.000
169	22041329	Nguyễn Thị Diễm Hằng	30/05/2004	23J3BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,9	20	92	A	4.000.000	5	20.000.000
170	23041555	Đỗ Thị Bích Thủy	30/09/2005	23J3BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,9	18	91	A	4.000.000	5	20.000.000
171	23041492	Nguyễn Huyền My	11/04/2005	23J3BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,88	20	93	A	4.000.000	5	20.000.000
172	22041376	Nguyễn Nhật Lệ	02/12/2004	23J6BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,86	20	94	A	4.000.000	5	20.000.000
173	23041505	Nguyễn Thu Ngọc	21/12/2004	23J7BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,86	20	94	A	4.000.000	5	20.000.000
174	23041556	Nguyễn Thị Thanh Thủy	06/01/2004	23J7BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,86	20	91	A	4.000.000	5	20.000.000
175	23041569	Lê Ngọc Bảo Trâm	22/06/2005	23J7BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,86	20	91	A	4.000.000	5	20.000.000
176	23041379	Lê Thị Thùy Dương	19/10/2005	23J5BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,85	20	94	A	4.000.000	5	20.000.000
177	23041517	Nguyễn Quỳnh Oanh	07/05/2005	23J8QT-KD	Ngôn ngữ Nhật	3,85	20	93	A	4.000.000	5	20.000.000
178	23041509	Đỗ Yến Nhi	24/05/2005	23J3BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,83	20	93	A	4.000.000	5	20.000.000
179	23041408	Trần Minh Hằng	07/04/2005	23J4BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,83	20	93	A	4.000.000	5	20.000.000
180	23041575	Hoàng Mỹ Vân	09/05/2005	23J5BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,83	20	91	A	4.000.000	5	20.000.000
181	23041483	Vũ Tú Xuân Mai	27/11/2005	23J6BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,82	20	91	A	4.000.000	5	20.000.000
182	23041336	Bùi Thị Lan Anh	03/02/2005	23J7BPD	Ngôn ngữ Nhật	3,82	20	91	A	4.000.000	5	20.000.000

VI. Ngành Ngôn ngữ Anh, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Hàn khóa QH.2024.F1, QH.2025.F1 (Học phí 3.800.000d/tháng)

1	25041374	Đào Nguyệt Hà	16/02/2007	25.F1.NN	Ngôn ngữ Pháp	3,94	14	91	A	4.200.000	5	21.000.000
2	25041471	Đặng Văn Thắng	17/09/2007	25.F5.NN	Ngôn ngữ Pháp	3,87	14	96	A	4.200.000	5	21.000.000
3	25042776	Nguyễn Quyết Thắng	10/01/1999	25.F2.NN	Ngôn ngữ Pháp	3,82	16	93	A	4.200.000	5	21.000.000
4	25041381	Trần Hoàng Hạnh	21/12/2007	25.F2.NN	Ngôn ngữ Pháp	3,79	14	93	A	4.200.000	5	21.000.000

5	25041464	Phạm Mai Phương	19/10/2007	25.F5.NN	Ngôn ngữ Pháp	3,79	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000
6	25041442	Nguyễn Linh Ngân	30/06/2007	25.F1.NN	Ngôn ngữ Pháp	3,72	14	92	A	4.200.000	5	21.000.000
7	25041334	Lê Ngọc Anh	19/09/2007	25.F3.NN	Ngôn ngữ Pháp	3,61	14	95	A	4.200.000	5	21.000.000
8	25041465	Phạm Thị Phương	24/09/2007	25.F1.NN	Ngôn ngữ Pháp	3,61	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000
9	25041428	Nguyễn Thị Cẩm Ly	13/04/2004	25.F3.NN	Ngôn ngữ Pháp	3,82	16	88	B	4.000.000	5	20.000.000
10	25041330	Phùng Kim An	13/09/2007	24.F2.NN	Ngôn ngữ Pháp	3,93	26	96	A	4.200.000	5	21.000.000
11	24041047	Phạm Ngọc Ánh	29/03/2006	24.F3.NN	Ngôn ngữ Pháp	3,93	20	93	A	4.200.000	5	21.000.000
12	24041156	Nguyễn Thị Thanh Thủy	10/06/2006	24.F1.NN	Ngôn ngữ Pháp	3,89	17	94	A	4.200.000	5	21.000.000
13	25041489	Nguyễn Thu Trang	19/12/2007	24.F3.NN	Ngôn ngữ Pháp	3,79	23	91	A	4.200.000	5	21.000.000
14	24041076	Lê Trung Hiếu	24/04/2006	24.F3.NN	Ngôn ngữ Pháp	3,78	17	91	A	4.200.000	5	21.000.000
15	24041167	Nguyễn Thu Trang	05/11/2006	24.F2.NN	Ngôn ngữ Pháp	3,77	17	90	A	4.200.000	5	21.000.000
16	24041146	Trần Thị Lâm Phương	12/07/2006	24.F1.NN	Ngôn ngữ Pháp	3,72	19	93	A	4.200.000	5	21.000.000
17	24041035	Hoàng Mai Anh	21/03/2006	24.F4.NN	Ngôn ngữ Pháp	3,69	20	95	A	4.200.000	5	21.000.000
18	24042291	Nguyễn Vũ Lê Băng	15/10/2006	24.F5.NN	Ngôn ngữ Pháp	3,68	19	93	A	4.200.000	5	21.000.000
19	25041511	Đặng Trương Ngọc Anh	05/10/2007	25.C8.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	4	14	96	A	4.200.000	5	21.000.000
20	25041759	Phạm Khánh Nguyên	23/04/2007	25.C2.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	4	14	93	A	4.200.000	5	21.000.000
21	25041674	Nguyễn Hoàng Kiều	18/02/2007	25.C1.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	4	14	91	A	4.200.000	5	21.000.000
22	25041672	Hoàng Minh Khuê	06/12/2007	25.C7.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	4	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000
23	25041794	Đoàn Ngọc Anh Thư	21/10/2007	25.C7.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	4	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000
24	25041711	Trần Phương Linh	27/11/2007	25.C4.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,95	17	90	A	4.200.000	5	21.000.000
25	25041612	Trần Linh Giang	01/07/2007	25.C2.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,94	14	96	A	4.200.000	5	21.000.000
26	25041538	Trần Ngọc Anh	06/04/2007	25.C1.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,94	14	94	A	4.200.000	5	21.000.000
27	25041541	Vũ Mai Anh	28/06/2007	25.C2.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,94	14	93	A	4.200.000	5	21.000.000
28	25041574	Nguyễn Thanh Chúc	02/01/2007	25.C9.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,94	14	91	A	4.200.000	5	21.000.000

29	25041611	Tạ Hương Giang	14/08/2007	25.C8.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,94	14	91	A	4.200.000	5	21.000.000
30	25041620	Vũ Thị Minh Hà	07/09/2007	25.C7.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,94	14	91	A	4.200.000	5	21.000.000
31	25041673	Nguyễn Anh Kiệt	25/05/2007	25.C2.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,94	14	91	A	4.200.000	5	21.000.000
32	25041509	Chu Thị Quỳnh Anh	21/05/2007	25.C1.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,94	14	91	A	4.200.000	5	21.000.000
33	25041567	Nguyễn Bảo Chi	15/12/2007	25.C7.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,94	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000
34	25041677	Đàm Nhật Linh	11/03/2007	25.C11.NN4-BRT	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,9	23	90	A	4.200.000	5	21.000.000
35	25041827	Phạm Thị Thu Trang	07/01/2007	25.C11.NN4-BRT	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,9	23	90	A	4.200.000	5	21.000.000
36	25041626	Đàm Thị Thanh Hằng	13/09/2007	25.C3.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,89	14	96	A	4.200.000	5	21.000.000
37	25041648	Phạm Hoàng Gia Huệ	17/08/2007	25.C6.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,89	14	91	A	4.200.000	5	21.000.000
38	25041560	Nguyễn Ngọc Quỳnh Châu	11/07/2007	25.C1.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,87	14	94	A	4.200.000	5	21.000.000
39	25041718	Vũ Thị Huyền Linh	30/08/2007	25.C3.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,87	14	93	A	4.200.000	5	21.000.000
40	25041550	Nguyễn Trương Phương Ánh	02/06/2007	25.C1.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,87	14	93	A	4.200.000	5	21.000.000
41	25041782	Phạm Thanh Tâm	02/01/2007	25.C7.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,87	14	91	A	4.200.000	5	21.000.000
42	24041477	Đoàn Thu Trang	07/02/2006	24.C11.NN4	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,82	25	91	A	4.200.000	5	21.000.000
43	24041446	Mã Thị Tâm	21/10/2006	24.C11.NN4	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,8	22	91	A	4.200.000	5	21.000.000
44	24041280	Phạm Thu Hiền	09/11/2006	24.C1.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,91	19	90	A	4.200.000	5	21.000.000
45	24041479	Hoàng Thu Trang	08/11/2006	24.C8.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,87	19	96	A	4.200.000	5	21.000.000
46	24041481	Lê Quỳnh Trang	25/04/2006	24.C9.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,87	19	96	A	4.200.000	5	21.000.000
47	24041295	Nguyễn Thị Huyền	26/09/2006	24.C4.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,86	19	96	A	4.200.000	5	21.000.000
48	24041299	Trương Thị Khánh Huyền	06/11/2006	24.C8.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,84	19	94	A	4.200.000	5	21.000.000
49	24042305	Ngô Thị Minh Ngọc	22/06/2006	24.C3.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,84	19	93	A	4.200.000	5	21.000.000
50	24041224	Nguyễn Thị Ngọc Bích	17/09/2005	24.C7.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,84	19	93	A	4.200.000	5	21.000.000
51	24041465	Hạ Thị Thanh Thủy	28/05/2006	24.C7.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,82	19	91	A	4.200.000	5	21.000.000
52	24041298	Trần Khánh Huyền	18/04/2006	24.C7.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,81	19	91	A	4.200.000	5	21.000.000

53	24041425	Phạm Quỳnh Như	10/02/2006	24.C10.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,8	19	96	A	4.200.000	5	21.000.000
54	24041261	Nguyễn Khánh Hà	25/10/2006	24.C6.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,8	19	92	A	4.200.000	5	21.000.000
55	24041264	Phạm Thu Hà	30/10/2006	24.C9.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,8	19	91	A	4.200.000	5	21.000.000
56	24041294	Nguyễn Ngọc Khánh Huyền	10/03/2006	24.C3.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,81	17	96	A	4.200.000	5	21.000.000
57	24041317	Nguyễn Tùng Lâm	24/11/2006	24.C5.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,87	16	96	A	4.200.000	5	21.000.000
58	24041204	Nguyễn Quỳnh Anh	22/08/2006	24.C1.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,85	16	90	A	4.200.000	5	21.000.000
59	24041397	Dương Thị Ngọc	17/06/2006	24.C2.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,81	16	95	A	4.200.000	5	21.000.000
60	24041451	Nguyễn Tiến Thành	15/08/2006	24.C10.NN	Ngôn ngữ Trung Quốc	3,79	19	96	A	4.200.000	5	21.000.000
61	24041546	Đinh Nguyễn Hương Giang	11/08/2006	24.G4.NN	Ngôn ngữ Đức	3,64	19	99	A	4.200.000	5	21.000.000
62	24041532	Lê An Bình	05/11/2006	24.G4.NN	Ngôn ngữ Đức	3,79	19	92	A	4.200.000	5	21.000.000
63	24041617	Phạm Thu Trang	28/07/2006	24.G2.NN	Ngôn ngữ Đức	3,62	13	92	A	4.200.000	5	21.000.000
64	24041539	Trần Tâm Đan	08/09/2006	24.G3.NN	Ngôn ngữ Đức	3,87	19	85	B	4.000.000	5	20.000.000
65	24041612	Nguyễn Ngọc Anh Thu	28/11/2006	24.G3.NN	Ngôn ngữ Đức	3,84	19	88	B	4.000.000	5	20.000.000
66	24041573	Vũ Ngọc Linh	12/12/2006	24.G2.NN	Ngôn ngữ Đức	3,81	16	88	B	4.000.000	5	20.000.000
67	25041982	Lê Kiều Trang	05/03/2007	25.G1.NN	Ngôn ngữ Đức	3,94	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000
68	25041901	Phạm Lâm Hà	21/09/2007	25.G4.NN	Ngôn ngữ Đức	3,83	14	96	A	4.200.000	5	21.000.000
69	25041985	Vũ Kiều Trang	23/02/2007	25.G2.NN	Ngôn ngữ Đức	3,83	14	94	A	4.200.000	5	21.000.000
70	25041898	Vũ Hương Giang	17/07/2007	25.G2.NN	Ngôn ngữ Đức	3,76	14	95	A	4.200.000	5	21.000.000
71	25041959	Phùng Văn Phú	05/08/2007	25.G1.NN	Ngôn ngữ Đức	3,74	17	91	A	4.200.000	5	21.000.000
72	25041892	Phạm Trần Đức Dũng	09/10/2007	25.G3.NN	Ngôn ngữ Đức	3,72	14	91	A	4.200.000	5	21.000.000
73	25041944	Trần Hoàng Ngân	22/07/2007	25.G4.NN	Ngôn ngữ Đức	3,68	14	96	A	4.200.000	5	21.000.000
74	24041960	Ngô Thùy Dung	02/09/2006	24.K5.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,67	21	96	A	4.200.000	5	21.000.000
75	24042146	Đỗ Thị Huyền Trang	24/09/2006	24.K10.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,66	22	96	A	4.200.000	5	21.000.000
76	24042087	Phan Thị Khánh Ngân	08/03/2006	24.K4.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,88	16	93	A	4.200.000	5	21.000.000

77	24042027	Lê Trần Khánh Linh	05/01/2006	24.K3.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,79	19	93	A	4.200.000	5	21.000.000
78	24041924	Lê Thị Mai Anh	03/07/2006	24.K6.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,66	22	93	A	4.200.000	5	21.000.000
79	24042021	Giang Mai Linh	05/06/2006	24.K6.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,63	19	93	A	4.200.000	5	21.000.000
80	24042137	Nghiêm Phương Thủy	28/04/2006	24.K4.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,83	28	92	A	4.200.000	5	21.000.000
81	24042123	Khuất Ngọc Quỳnh	30/07/2006	24.K10.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,82	19	91	A	4.200.000	5	21.000.000
82	24041931	Nguyễn Phương Anh	25/12/2006	24.K3.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,78	22	91	A	4.200.000	5	21.000.000
83	24042045	Nhữ Thục Linh	18/09/2006	24.K10.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,78	22	91	A	4.200.000	5	21.000.000
84	24041952	Doãn Quỳnh Chi	01/03/2006	24.K9.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,72	19	91	A	4.200.000	5	21.000.000
85	24042102	Hoàng Phương Nhung	31/01/2006	24.K10.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,69	22	91	A	4.200.000	5	21.000.000
86	24041995	Nguyễn Phương Huyền	23/05/2004	24.K9.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,61	19	91	A	4.200.000	5	21.000.000
87	24042082	Tạ Thị Thúy Nga	05/08/2006	24.K8.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,62	22	90	A	4.200.000	5	21.000.000
88	24041939	Tô Hoàng Trâm Anh	09/11/2006	24.K8.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,63	19	87	B	4.000.000	5	20.000.000
89	24042178	Trần Quang Vinh	17/05/2006	24.K9.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,75	19	86	B	4.000.000	5	20.000.000
90	24042011	Phạm Thị Mai Lan	05/10/2005	24.K7.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,58	16	91	B	4.000.000	5	20.000.000
91	25042358	Lương Ngọc Ánh	08/07/2007	25.K7.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	4	14	94	A	4.200.000	5	21.000.000
92	25042593	Vũ Anh Thư	02/12/2007	25.K10.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	4	14	94	A	4.200.000	5	21.000.000
93	25042362	Nguyễn Thị Hồng Băng	05/09/2007	25.K11.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	4	14	93	A	4.200.000	5	21.000.000
94	25042338	Nguyễn Phương Anh	27/10/2007	25.K5.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	4	14	92	A	4.200.000	5	21.000.000
95	25042562	Lê Diễm Quỳnh	25/02/2007	25.K7.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	4	14	92	A	4.200.000	5	21.000.000
96	25042517	Tạ Khánh Ngọc	23/11/2007	25.K3.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	4	14	91	A	4.200.000	5	21.000.000
97	25042500	Đặng Nguyệt Minh	28/09/2007	25.K2.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,94	14	93	A	4.200.000	5	21.000.000
98	25042444	Lê Thành Huy	05/07/2007	25.K10.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,94	14	93	A	4.200.000	5	21.000.000
99	25042427	Vương Ngọc Hoa	30/11/2007	25.K5.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,94	14	92	A	4.200.000	5	21.000.000
100	25042469	Nguyễn Đoàn Ngọc Linh	06/03/2007	25.K10.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,94	14	92	A	4.200.000	5	21.000.000

101	25042440	Trần Thu Hường	03/06/2007	25.K3.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,94	14	91	A	4.200.000	5	21.000.000
102	25042324	Chu Quỳnh Anh	16/01/2007	25.K3.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,94	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000
103	25042589	Ninh Thị Minh Thư	05/09/2007	25.K6.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,94	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000
104	25042435	Chu Thị Mai Hương	31/01/2007	25.K10.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,94	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000
105	25042561	Kiều Thị Thúy Quỳnh	06/07/2007	25.K6.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,91	20	91	A	4.200.000	5	21.000.000
106	25042375	Nguyễn Ngọc Khánh Chi	27/12/2007	25.K4.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,89	14	93	A	4.200.000	5	21.000.000
107	25042612	Lê Thị Huyền Trang	25/11/2007	25.K7.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,89	14	93	A	4.200.000	5	21.000.000
108	25042629	Hồ Thị Phương Uyên	02/12/2007	25.K2.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,89	14	91	A	4.200.000	5	21.000.000
109	25042332	Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	29/06/2007	25.K10.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,87	14	94	A	4.200.000	5	21.000.000
110	25042638	Trần Thanh Vân	14/09/2007	25.K10.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,87	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000
111	25042343	Nguyễn Vương Minh Anh	08/05/2007	25.K8.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,86	17	93	A	4.200.000	5	21.000.000
112	25042410	Phạm Thu Hà	29/03/2007	25.K3.NN	Ngôn ngữ Hàn Quốc	3,83	14	93	A	4.200.000	5	21.000.000
113	24040244	Nguyễn Lê Thái An	04/10/2006	24E6NN5	Ngôn ngữ Anh	4	15	91	A	4.200.000	5	21.000.000
114	24040851	Nguyễn Vũ Bảo Thoa	14/06/2006	24E17NN5	Ngôn ngữ Anh	3,97	19	96	A	4.200.000	5	21.000.000
115	24040685	Phạm Quang Minh	23/11/2006	24E6NN5	Ngôn ngữ Anh	3,96	16	96	A	4.200.000	5	21.000.000
116	24040707	Nguyễn Thu Nga	13/09/2006	24E27NN3	Ngôn ngữ Anh	3,96	15	96	A	4.200.000	5	21.000.000
117	24040796	Nguyễn Mai Phương	17/10/2006	24E22NN4	Ngôn ngữ Anh	3,96	15	96	A	4.200.000	5	21.000.000
118	24040241	Đỗ Ngọc Bảo An	08/08/2006	24E29NN3	Ngôn ngữ Anh	3,96	16	93	A	4.200.000	5	21.000.000
119	24040679	Nguyễn Thị Khánh Minh	28/11/2006	24E15NN5	Ngôn ngữ Anh	3,96	16	93	A	4.200.000	5	21.000.000
120	24040838	Lê Thanh Thảo	10/10/2006	24E28NN3	Ngôn ngữ Anh	3,96	16	91	A	4.200.000	5	21.000.000
121	24040656	Nguyễn Thị Ngọc Mai	09/03/2006	24E6NN5	Ngôn ngữ Anh	3,96	16	91	A	4.200.000	5	21.000.000
122	24040688	Nguyễn Hà My	08/05/2006	24E19NN4	Ngôn ngữ Anh	3,96	16	90	A	4.200.000	5	21.000.000
123	24040264	Khuất Liên Anh	24/08/2006	24E15NN5	Ngôn ngữ Anh	3,94	19	96	A	4.200.000	5	21.000.000
124	24040424	Nguyễn Thị Hương Giang	17/05/2006	24E20NN4	Ngôn ngữ Anh	3,94	16	96	A	4.200.000	5	21.000.000

125	24040718	Nguyễn Thiên Ngân	18/08/2006	24E21NN4	Ngôn ngữ Anh	3,94	16	96	A	4.200.000	5	21.000.000
126	24040344	Đặng Thị Khánh Chi	14/05/2006	24E23NN4	Ngôn ngữ Anh	3,94	16	93	A	4.200.000	5	21.000.000
127	24040363	Nguyễn Thị Phương Dung	07/09/2006	24E19NN4	Ngôn ngữ Anh	3,94	16	90	A	4.200.000	5	21.000.000
128	24040649	Đỗ Thị Mai	23/04/2006	24E29NN3	Ngôn ngữ Anh	3,92	19	93	A	4.200.000	5	21.000.000
129	24040790	Lưu Thị Hà Phương	24/02/2006	24E27NN3	Ngôn ngữ Anh	3,92	19	91	A	4.200.000	5	21.000.000
130	24040641	Đỗ Ngọc Gia Lương	02/09/2006	24E12NN5	Ngôn ngữ Anh	3,92	19	91	A	4.200.000	5	21.000.000
131	24040614	Nguyễn Thùy Linh	28/08/2006	24E19NN4	Ngôn ngữ Anh	3,92	19	90	A	4.200.000	5	21.000.000
132	24040815	Trịnh Thúy Quỳnh	14/06/2006	24E23NN4	Ngôn ngữ Anh	3,92	19	90	A	4.200.000	5	21.000.000
133	24040629	Trịnh Thuỳ Linh	22/04/2006	24E25NN4	Ngôn ngữ Anh	3,91	16	96	A	4.200.000	5	21.000.000
134	24040646	Trần Khánh Ly	28/01/2006	24E23NN4	Ngôn ngữ Anh	3,91	22	95	A	4.200.000	5	21.000.000
135	24040715	Nguyễn Hà Ngân	17/10/2006	24E14NN5	Ngôn ngữ Anh	3,91	16	93	A	4.200.000	5	21.000.000
136	24040619	Nguyễn Trần Phương Linh	12/05/2006	24E16NN5	Ngôn ngữ Anh	3,91	16	91	A	4.200.000	5	21.000.000
137	24040385	Lê Nguyễn Thùy Dương	04/11/2006	24E16NN5	Ngôn ngữ Anh	3,9	19	96	A	4.200.000	5	21.000.000
138	24040756	Nguyễn Xuân Nhi	28/03/2006	24E23NN4	Ngôn ngữ Anh	3,9	19	93	A	4.200.000	5	21.000.000
139	24040586	Ngô Thảo Linh	26/03/2006	24E14NN5	Ngôn ngữ Anh	3,9	19	93	A	4.200.000	5	21.000.000
140	24040362	Nguyễn Phương Doanh	03/07/2006	24E10NN5	Ngôn ngữ Anh	3,9	16	91	A	4.200.000	5	21.000.000
141	24040516	Ngô Thanh Huyền	07/12/2006	24E9NN5	Ngôn ngữ Anh	3,9	16	91	A	4.200.000	5	21.000.000
142	24040936	Nguyễn Lan Uyên	16/02/2006	24E6NN5	Ngôn ngữ Anh	3,89	19	94	A	4.200.000	5	21.000.000
143	24040856	Lê Bích Thùy	01/02/2006	24E7NN5	Ngôn ngữ Anh	3,88	16	96	A	4.200.000	5	21.000.000
144	24040311	Trần Thị Kim Anh	10/11/2006	24E23NN4	Ngôn ngữ Anh	3,88	16	95	A	4.200.000	5	21.000.000
145	24040949	Trần Khôi Vĩ	09/04/2006	24E18NN5	Ngôn ngữ Anh	3,88	16	94	A	4.200.000	5	21.000.000
146	24040489	Nguyễn Ánh Hồng	15/12/2006	24E14NN5	Ngôn ngữ Anh	3,88	16	90	A	4.200.000	5	21.000.000
147	24040534	Nguyễn Vy Khanh	21/02/2006	24E16NN5	Ngôn ngữ Anh	3,87	19	96	A	4.200.000	5	21.000.000
148	24040427	Cao Việt Hà	14/10/2006	24E12NN5	Ngôn ngữ Anh	3,87	19	95	A	4.200.000	5	21.000.000

149	24040842	Nguyễn Phương Thảo	02/10/2006	24E12NN5	Ngôn ngữ Anh	3,87	19	93	A	4.200.000	5	21.000.000
150	24040454	Phan Thu Hằng	04/02/2006	24E8NN5	Ngôn ngữ Anh	3,87	19	93	A	4.200.000	5	21.000.000
151	24040566	Đỗ Khánh Linh	05/03/2006	24E25NN4	Ngôn ngữ Anh	3,87	16	93	A	4.200.000	5	21.000.000
152	24040801	Trần Lương Phương	05/06/2006	24E25NN4	Ngôn ngữ Anh	3,87	16	91	A	4.200.000	5	21.000.000
153	24040915	Đỗ Bảo Trân	07/03/2006	24E26NN4	Ngôn ngữ Anh	3,86	19	96	A	4.200.000	5	21.000.000
154	24040812	Trần Tiểu Quyên	21/08/2006	24E16NN5	Ngôn ngữ Anh	3,86	15	93	A	4.200.000	5	21.000.000
155	24040599	Nguyễn Khánh Linh	02/09/2006	24E9NN5	Ngôn ngữ Anh	3,85	19	99	A	4.200.000	5	21.000.000
156	24040351	Trịnh Yến Chi	17/03/2006	24E18NN5	Ngôn ngữ Anh	3,85	19	96	A	4.200.000	5	21.000.000
157	24040588	Nguyễn Cẩm Diệu Linh	06/09/2006	24E24NN4	Ngôn ngữ Anh	3,85	16	93	A	4.200.000	5	21.000.000
158	24040583	Lê Thị Khánh Linh	27/08/2006	24E12NN5	Ngôn ngữ Anh	3,85	22	91	A	4.200.000	5	21.000.000
159	23040581	Vũ Hồng Nhung	02/12/2005	24E10NN5	Ngôn ngữ Anh	3,85	19	91	A	4.200.000	5	21.000.000
160	24040277	Nguyễn Ngọc Anh	13/10/2006	24E25NN4	Ngôn ngữ Anh	3,85	22	90	A	4.200.000	5	21.000.000
161	25040836	Nguyễn Hoàng Long	20/02/2007	25E21NN5	Ngôn ngữ Anh	4	12	91	A	4.200.000	5	21.000.000
162	25040916	Nguyễn Phan Thu Ngân	08/11/2007	25E26NN5	Ngôn ngữ Anh	4	12	90	A	4.200.000	5	21.000.000
163	25040931	Lại Minh Ngọc	29/03/2007	25E22NN5	Ngôn ngữ Anh	3,94	15	91	A	4.200.000	5	21.000.000
164	25040886	Nguyễn Hà My	09/08/2007	25E26NN5	Ngôn ngữ Anh	3,93	12	91	A	4.200.000	5	21.000.000
165	25040667	Đình Gia Huệ	20/03/2007	25E28NN5	Ngôn ngữ Anh	3,88	12	93	A	4.200.000	5	21.000.000
166	25041228	Nguyễn Xuân Phong Vũ	10/11/2007	25E26NN5	Ngôn ngữ Anh	3,88	12	90	A	4.200.000	5	21.000.000
167	25041175	Trần Thu Trang	22/10/2007	25E26NN5	Ngôn ngữ Anh	3,85	12	96	A	4.200.000	5	21.000.000
168	25040481	Trịnh Ngọc Ánh	02/02/2007	25E28NN5	Ngôn ngữ Anh	3,85	12	93	A	4.200.000	5	21.000.000
169	25040786	Nguyễn Dương Nguyệt Linh	11/05/2007	25E18NN5	Ngôn ngữ Anh	3,85	12	91	A	4.200.000	5	21.000.000
170	25040810	Nguyễn Thị Phương Linh	15/06/2007	25E26NN5	Ngôn ngữ Anh	3,85	12	90	A	4.200.000	5	21.000.000
171	25041013	Nguyễn Mai Phương	24/11/2007	25E26NN5	Ngôn ngữ Anh	3,8	12	93	A	4.200.000	5	21.000.000
172	25040801	Nguyễn Phương Linh	19/05/2007	25E28NN5	Ngôn ngữ Anh	3,8	12	93	A	4.200.000	5	21.000.000

173	25040979	Đinh Thị Quỳnh Như	27/10/2006	25E28NN5	Ngôn ngữ Anh	3,8	12	93	A	4.200.000	5	21.000.000
174	25040759	Cao Dương Thùy Linh	09/08/2007	25E16NN4	Ngôn ngữ Anh	3,8	12	92	A	4.200.000	5	21.000.000
175	25040952	Phan Thị Thảo Nguyên	30/06/2007	25E28NN5	Ngôn ngữ Anh	3,8	12	91	A	4.200.000	5	21.000.000
176	25041130	Trịnh Hương Trà	22/12/2007	25E20NN5	Ngôn ngữ Anh	3,78	12	96	A	4.200.000	5	21.000.000
177	25041067	Đỗ Phương Thảo	12/03/2007	25E27NN5	Ngôn ngữ Anh	3,78	12	91	A	4.200.000	5	21.000.000
178	25040611	Vũ Thị Ngân Giang	18/04/2007	25E31NN5-BRT	Ngôn ngữ Anh	3,78	15	91	A	4.200.000	5	21.000.000
179	25040788	Nguyễn Hà Linh	19/04/2007	25E31NN5-BRT	Ngôn ngữ Anh	3,78	15	90	A	4.200.000	5	21.000.000
180	25040741	Đỗ Bảo Lâm	06/12/2007	25E26NN5	Ngôn ngữ Anh	3,77	18	93	A	4.200.000	5	21.000.000
181	25040904	Đinh Xuân Nga	23/12/2007	25E22NN5	Ngôn ngữ Anh	3,76	15	93	A	4.200.000	5	21.000.000
182	25041017	Phạm Huyền Phương	31/10/2007	25E29NN5-BRT	Ngôn ngữ Anh	3,76	20	91	A	4.200.000	5	21.000.000
183	25040887	Nguyễn Thị Trà My	03/08/2007	25E27NN5	Ngôn ngữ Anh	3,75	12	93	A	4.200.000	5	21.000.000
184	25040483	Đinh Quốc Bảo	06/02/2007	25E26NN5	Ngôn ngữ Anh	3,75	12	90	A	4.200.000	5	21.000.000
185	25040900	Đào Nhật Nam	13/02/2007	25E26NN5	Ngôn ngữ Anh	3,75	12	90	A	4.200.000	5	21.000.000
186	25041140	Đặng Thu Trang	24/01/2007	25E26NN5	Ngôn ngữ Anh	3,75	12	90	A	4.200.000	5	21.000.000
187	25041211	Phạm Phương Uyên	25/09/2007	25E26NN5	Ngôn ngữ Anh	3,75	12	90	A	4.200.000	5	21.000.000
188	25040768	Hoàng Phương Linh	25/03/2007	25E32NN5-BRT	Ngôn ngữ Anh	3,74	21	93	A	4.200.000	5	21.000.000
189	25040477	Hoàng Thị Nhật Ánh	12/05/2007	25E26NN5	Ngôn ngữ Anh	3,74	15	92	A	4.200.000	5	21.000.000
190	25041213	Bùi Khánh Vân	27/05/2007	25E27NN5	Ngôn ngữ Anh	3,74	15	91	A	4.200.000	5	21.000.000
191	25040394	Hoàng Thị Châm Anh	11/08/2007	25E33NN5-BRT	Ngôn ngữ Anh	3,74	15	91	A	4.200.000	5	21.000.000
192	25041235	Vũ Lê Hà Vy	23/12/2007	25E23NN5	Ngôn ngữ Anh	3,73	20	93	A	4.200.000	5	21.000.000
193	25040992	Đào Đức Phúc	11/06/2007	25E26NN5	Ngôn ngữ Anh	3,73	12	93	A	4.200.000	5	21.000.000
194	25040487	Lê Xuân Vi Bảo	16/08/2007	25E18NN5	Ngôn ngữ Anh	3,73	12	91	A	4.200.000	5	21.000.000
195	25040820	Phạm Phương Linh	23/10/2007	25E18NN5	Ngôn ngữ Anh	3,73	12	91	A	4.200.000	5	21.000.000
196	25041222	Vũ Trọng Việt	24/05/2007	25E20NN5	Ngôn ngữ Anh	3,73	12	91	A	4.200.000	5	21.000.000

197	25040473	Vương Hải Anh	30/03/2007	25E24NN5	Ngôn ngữ Anh	3,73	12	91	A	4.200.000	5	21.000.000
198	25040386	Đỗ Triệu Anh	22/07/2007	25E26NN5	Ngôn ngữ Anh	3,73	12	90	A	4.200.000	5	21.000.000
199	25040446	Phạm Hồng Anh	17/06/2007	25E26NN5	Ngôn ngữ Anh	3,73	12	90	A	4.200.000	5	21.000.000
200	25040419	Nguyễn Hải Anh	12/12/2007	25E27NN5	Ngôn ngữ Anh	3,73	12	90	A	4.200.000	5	21.000.000
201	25040433	Nguyễn Thị Mai Anh	12/06/2007	25E33NN5-BRT	Ngôn ngữ Anh	3,72	15	96	A	4.200.000	5	21.000.000
202	25041079	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/09/2007	25E21NN5	Ngôn ngữ Anh	3,72	15	93	A	4.200.000	5	21.000.000
203	25040642	Nguyễn Thị Thanh Hiền	17/11/2007	25E26NN5	Ngôn ngữ Anh	3,72	15	93	A	4.200.000	5	21.000.000
204	25040919	Nguyễn Thị Phúc Ngân	05/06/2007	25E27NN5	Ngôn ngữ Anh	3,72	15	93	A	4.200.000	5	21.000.000
205	25040665	Trần Thị Thúy Hồng	02/12/2007	25E29NN5-BRT	Ngôn ngữ Anh	3,72	15	93	A	4.200.000	5	21.000.000
206	25040835	Nguyễn Hoàng Long	07/07/2007	25E30NN5-BRT	Ngôn ngữ Anh	3,72	15	91	A	4.200.000	5	21.000.000
207	25041003	Hà Minh Phương	23/10/2007	25E32NN5-BRT	Ngôn ngữ Anh	3,72	15	91	A	4.200.000	5	21.000.000
208	25041168	Phạm Huyền Trang	28/11/2007	25E33NN5-BRT	Ngôn ngữ Anh	3,7	18	96	A	4.200.000	5	21.000.000
209	25040622	Nguyễn Thu Hà	07/11/2007	25E29NN5-BRT	Ngôn ngữ Anh	3,7	15	93	A	4.200.000	5	21.000.000
210	25040855	Nguyễn Thị Ngọc Mai	09/06/2007	25E30NN5-BRT	Ngôn ngữ Anh	3,7	18	93	A	4.200.000	5	21.000.000
211	25040881	Phạm Quang Minh	11/09/2007	25E25NN5	Ngôn ngữ Anh	3,68	12	96	A	4.200.000	5	21.000.000
212	25040816	Nguyễn Tùng Linh	28/10/2007	25E27NN5	Ngôn ngữ Anh	3,68	12	96	A	4.200.000	5	21.000.000
213	25040669	Trần Kim Huệ	14/11/2007	25E18NN5	Ngôn ngữ Anh	3,68	15	93	A	4.200.000	5	21.000.000
214	25041136	Triệu Bảo Trâm	02/07/2007	25E23NN5	Ngôn ngữ Anh	3,68	12	93	A	4.200.000	5	21.000.000
215	25040560	Nguyễn Phương Dung	24/09/2007	25E26NN5	Ngôn ngữ Anh	3,68	12	93	A	4.200.000	5	21.000.000
216	25040420	Nguyễn Hoàng Anh	19/10/2007	25E28NN5	Ngôn ngữ Anh	3,68	12	93	A	4.200.000	5	21.000.000
217	25040985	Nguyễn Thị Hồng Nhung	11/03/2007	25E33NN5-BRT	Ngôn ngữ Anh	3,68	15	93	A	4.200.000	5	21.000.000
218	25040909	Vũ Thị Bích Ngà	20/03/2007	25E30NN5-BRT	Ngôn ngữ Anh	3,68	15	92	A	4.200.000	5	21.000.000
219	25041025	Ninh Hồng Quân	19/02/2007	25E16NN4	Ngôn ngữ Anh	3,68	15	91	A	4.200.000	5	21.000.000
220	24041637	Bùi Quỳnh Anh	18/09/2006	24J10NN3D6	Ngôn ngữ Nhật	3,86	22	91	A	4.200.000	5	21.000.000

221	24041871	Vũ Anh Thư	09/11/2006	24J5NN	Ngôn ngữ Nhật	3,86	22	90	A	4.200.000	5	21.000.000
222	24041722	Phạm Thúy Hằng	27/11/2006	24J5NN	Ngôn ngữ Nhật	3,85	22	93	A	4.200.000	5	21.000.000
223	24041862	Trần Thị Thanh Thúy	29/04/2006	24J5NN	Ngôn ngữ Nhật	3,84	19	90	A	4.200.000	5	21.000.000
224	24041906	Nguyễn Như Ý	01/08/2006	24J6NN	Ngôn ngữ Nhật	3,82	19	93	A	4.200.000	5	21.000.000
225	24041798	Văn Nguyệt Minh	21/12/2006	24J2NN	Ngôn ngữ Nhật	3,82	22	90	A	4.200.000	5	21.000.000
226	24041707	Vũ Hương Giang	05/06/2006	24J1NN	Ngôn ngữ Nhật	3,76	19	93	A	4.200.000	5	21.000.000
227	24041654	Nguyễn Ngọc Huyền Anh	08/05/2006	24J10NN3D6	Ngôn ngữ Nhật	3,75	22	93	A	4.200.000	5	21.000.000
228	24041903	Trần Thị Vui	18/07/2006	24J2NN	Ngôn ngữ Nhật	3,75	22	90	A	4.200.000	5	21.000.000
229	24041835	Luu Thị Phượng	29/12/2003	24J7NN	Ngôn ngữ Nhật	3,73	22	92	A	4.200.000	5	21.000.000
230	24041850	Trần Phương Thảo	07/02/2006	24J5NN	Ngôn ngữ Nhật	3,71	22	93	A	4.200.000	5	21.000.000
231	24042316	Đặng Đức Hiếu	27/09/1998	24J3NN	Ngôn ngữ Nhật	3,7	20	94	A	4.200.000	5	21.000.000
232	24041686	Nguyễn Thị Ánh Dương	27/02/2006	24J5NN	Ngôn ngữ Nhật	3,69	22	90	A	4.200.000	5	21.000.000
233	24041713	Vũ Ngọc Hà	22/08/2006	24J7NN	Ngôn ngữ Nhật	3,68	19	96	A	4.200.000	5	21.000.000
234	24041802	Kim Phương Nga	17/02/2006	24J5NN	Ngôn ngữ Nhật	3,66	19	93	A	4.200.000	5	21.000.000
235	24041758	Bùi Diệu Linh	30/10/2006	24J7NN	Ngôn ngữ Nhật	3,66	22	92	A	4.200.000	5	21.000.000
236	24041699	Đỗ Kim Giang	23/07/2006	24J10NN3D6	Ngôn ngữ Nhật	3,65	22	90	A	4.200.000	5	21.000.000
237	24041738	Trần Đức Huy	05/12/2006	24J9NN	Ngôn ngữ Nhật	3,63	22	90	A	4.200.000	5	21.000.000
238	25042063	Nguyễn Minh Đan	16/02/2007	25J11NN3	Ngôn ngữ Nhật	3,83	14	96	A	4.200.000	5	21.000.000
239	25042209	Cao Ngọc Thu Ngân	10/09/2007	25J11NN3	Ngôn ngữ Nhật	4	14	95	A	4.200.000	5	21.000.000
240	25042289	Trần Bảo Trâm	05/08/2007	25J11NN3	Ngôn ngữ Nhật	3,89	14	93	A	4.200.000	5	21.000.000
241	25042022	Nguyễn Ngọc Hà Anh	08/09/2007	25J1NN	Ngôn ngữ Nhật	3,89	14	93	A	4.200.000	5	21.000.000
242	25042175	Trần Hoàng Ngọc Linh	04/08/2007	25J8NN	Ngôn ngữ Nhật	3,82	17	93	A	4.200.000	5	21.000.000
243	25042072	Nguyễn Thị Hạnh Dung	29/06/2007	25J3NN	Ngôn ngữ Nhật	3,82	17	91	A	4.200.000	5	21.000.000
244	25042253	Phùng Thị Mai Phương	11/09/2007	25J10NN	Ngôn ngữ Nhật	4	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000

245	25042285	Bùi Phụng Tiên	06/12/2007	25J10NN	Ngôn ngữ Nhật	3,94	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000
246	25042124	Trần Thu Hương	05/01/2007	25J2NN	Ngôn ngữ Nhật	3,94	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000
247	25042183	Hoàng Thị Bích Loan	07/01/2007	25J7NN	Ngôn ngữ Nhật	3,86	17	90	A	4.200.000	5	21.000.000
248	25042316	Nguyễn Hoàng Yến	10/07/2007	25J7NN	Ngôn ngữ Nhật	3,83	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000
249	25042105	Hoàng Thị Ngọc Hân	28/01/2007	25J8NN	Ngôn ngữ Nhật	3,79	14	95	A	4.200.000	5	21.000.000
250	25042178	Trần Thị Ngọc Linh	02/04/2007	25J2NN	Ngôn ngữ Nhật	3,79	14	94	A	4.200.000	5	21.000.000
251	25042237	Lương Yến Nhi	12/10/2007	25J6NN	Ngôn ngữ Nhật	3,79	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000
252	25042122	Nguyễn Mai Hương	20/10/2007	25J7NN	Ngôn ngữ Nhật	3,79	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000
253	25042314	Hà Phương Tường Vy	06/09/2007	25J5NN	Ngôn ngữ Nhật	3,76	14	93	A	4.200.000	5	21.000.000
254	25042313	Lê Đại Việt	01/12/2005	25J9NN	Ngôn ngữ Nhật	3,76	14	92	A	4.200.000	5	21.000.000
255	25042196	Lại Ngọc Minh	18/11/2007	25J8NN	Ngôn ngữ Nhật	3,73	20	96	A	4.200.000	5	21.000.000
256	25042048	Phạm Bảo Châu	03/06/2007	25J2NN	Ngôn ngữ Nhật	3,72	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000
257	25042260	Nguyễn Lê Bảo Quỳnh	29/04/2007	25J6NN	Ngôn ngữ Nhật	3,72	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000
258	25042303	Hoàng Cẩm Tú	12/09/2007	25J7NN	Ngôn ngữ Nhật	3,7	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000
259	25042293	Hà Nguyễn Minh Trang	24/11/2007	25J6NN	Ngôn ngữ Nhật	3,69	14	90	A	4.200.000	5	21.000.000

Danh sách này có 527 sinh viên (I: 04SV, II: 46SV, III: 22, IV: 14SV, V: 182SV, VI:259)